

Số: 15 /2017/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy,
cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính
thuộc thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17/8/2006 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 18/7/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31/8/2010 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/02/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung của Bộ luật Lao động;

Căn cứ Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29/10/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, cán bộ, công chức lãnh đạo;

Căn cứ các Thông tư của Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện các Nghị định của Chính phủ về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính thuộc thành phố Hà Nội, gồm 05 Chương và 20 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/4/2017. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ; thay thế Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban

hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội và Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ngày 22/5/2012 sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh một số điều của Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, cán bộ, công chức, lao động hợp đồng, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Công an Thành phố;
- Kho bạc Nhà nước Thành phố;
- BHXH Thành phố;
- VP UBND TP: Các PCVP;
Các phòng: NC, TKBT, HCTC, TH;
- Trung tâm Tin học-Công báo; *cl*
- Cổng Giao tiếp điện tử TP;
- Các báo: Hà Nội mới,
Kinh tế và Đô thị;
- Lưu: VT, NC_(B), SNV (10 bản).



Nguyễn Đức Chung

QUY ĐỊNH

**Về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức,
lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính
thuộc thành phố Hà Nội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15 /2017/QĐ-UBND ngày 13 /4/ 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi

Quy định này quy định về việc phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng

a) Tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính.

b) Cán bộ, công chức; cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; lao động hợp đồng làm việc trong cơ quan hành chính.

Điều 2. Nguyên tắc

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính.

2. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, công khai minh bạch, rõ thẩm quyền và hiệu quả.

3. Thường xuyên có sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan hành chính thuộc thành phố Hà Nội, bao gồm:

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (sở), cơ quan ngang sở và cơ quan hành chính khác thuộc Thành phố (Văn phòng Hội đồng nhân dân Thành phố, Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội, Văn phòng Ban Chỉ đạo Giải phóng mặt bằng Thành phố) gọi chung là sở;

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm có phòng và cơ quan tương đương phòng (sau đây gọi chung là phòng).

2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện);

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

4. Chi cục và cơ quan tương đương chi cục trực thuộc sở (sau đây gọi chung là chi cục).

5. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ và cơ quan tương đương phòng thuộc sở (sau đây gọi chung là phòng)

6. Biên chế công chức: là số lượng cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao (không bao gồm số lượng lao động hợp đồng).

7. “Lao động hợp đồng” được nêu trong quy định này bao gồm: lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và một số lao động hợp đồng được Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép thực hiện.

Chương II

QUẢN LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

Điều 4. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Trình Hội đồng nhân dân Thành phố thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của sở. Riêng tổ chức bộ máy Văn phòng Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

c) Ban hành hướng dẫn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi cục theo quy định.

3. Sở Nội vụ

a) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định về tổ chức bộ máy được quy định tại Điểm a, b Khoản 1, Khoản 2 của Điều này;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng hướng dẫn quy định tổ chức bộ máy của phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

4. Thủ trưởng sở

a) Chủ trì xây dựng đề án, phương án về tổ chức bộ máy được quy định tại Điểm a, b Khoản 1, Khoản 2 của Điều này, gửi Sở Nội vụ thẩm định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;

b) Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của sở, quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của phòng thuộc sở;

c) Căn cứ Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể chi cục và các văn bản pháp luật có liên quan phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của chi cục;

d) Xây dựng và ban hành quy chế làm việc của sở; chỉ đạo chi cục xây dựng và ban hành quy chế làm việc của chi cục và tổ chức thực hiện;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi chuyên môn do sở quản lý;

e) Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý tổ chức bộ máy theo quy định của pháp luật, của Ủy ban nhân dân Thành phố và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Trình Hội đồng nhân dân cấp huyện thành lập, bãi bỏ phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, gửi Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét ban hành;

c) Căn cứ Hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố, ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật, của Ủy ban nhân dân Thành phố và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về quản lý tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 5. Quản lý vị trí việc làm, biên chế công chức, lao động hợp đồng, tiền lương, tiền công

1. Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Chỉ đạo, hướng dẫn đơn đốc sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

b) Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về quản lý vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm, chỉ đạo các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch, xây dựng đề án điều chỉnh, bổ sung biên chế công chức hàng năm, báo cáo Bộ Nội vụ;

b) Căn cứ biên chế công chức được Bộ Nội vụ giao, trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định giao biên chế công chức cho các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Căn cứ Nghị quyết giao biên chế của Hội đồng nhân dân Thành phố, quyết định phân bổ biên chế công chức, số lượng lao động hợp đồng cho các cơ quan, đơn vị và số lượng cán bộ, công chức cấp xã cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Sở Nội vụ

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này;

b) Thẩm định Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, tổng hợp danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định theo quy định;

c) Hướng dẫn các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch biên chế công chức và số lượng lao động hợp đồng; tổng hợp số lượng cán bộ, công chức cấp xã;

d) Thẩm định, tổng hợp biên chế công chức và số lao động hợp đồng của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện; tổng hợp số lượng cán bộ, công chức cấp xã, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định;

đ) Thông báo giao chỉ tiêu biên chế công chức, số lao động hợp đồng của các sở, UBND cấp huyện và số lượng cán bộ, công chức cấp xã;

e) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng lao động hợp đồng của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, số lượng cán bộ, công chức cấp xã.

4. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan xây dựng quỹ tiền lương, cơ chế khoán chi phí hành chính trong các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định;

b) Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền công của các cơ quan theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Thủ trưởng sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Trước ngày 01 tháng 6 hàng năm, xây dựng kế hoạch sử dụng biên chế công chức, số lao động hợp đồng và số lượng cán bộ, công chức cấp xã, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (qua Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp);

b) Sử dụng, quản lý biên chế công chức, lao động hợp đồng và cán bộ, công chức cấp xã theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của Thành phố;

c) Hàng tháng lập danh sách cán bộ, công chức, lao động hợp đồng hưởng tiền lương, tiền công (nếu có) của cơ quan, đơn vị gửi Kho bạc nhà nước chuyển Ngân hàng chi trả cho người lao động.

6. Chi cục trưởng

a) Xây dựng kế hoạch sử dụng biên chế công chức, số lao động hợp đồng hàng năm báo cáo sở để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Sử dụng, quản lý biên chế công chức, lao động hợp đồng theo đúng quy định;

c) Hàng tháng lập danh sách cán bộ, công chức, lao động hợp đồng hưởng tiền lương, tiền công (nếu có) của cơ quan gửi Kho bạc nhà nước chuyển Ngân hàng chi trả cho người lao động.

Chương III

QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG

Điều 6. Tuyển dụng công chức

1. Ủy ban nhân dân Thành phố

- a) Quyết định tổ chức thi tuyển công chức theo quy định của pháp luật;
- b) Quyết định tổ chức thực hiện việc tiếp nhận vào công chức không qua thi tuyển và xét chuyên cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên;
- c) Phê duyệt kết quả thi tuyển công chức; phê duyệt kết quả kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào công chức không qua thi tuyển và xét chuyên cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên;
- d) Ban hành kế hoạch tuyển dụng công chức xã.

2. Sở Nội vụ

- a) Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và biên chế công chức được phân bổ, tổng hợp xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;
- b) Tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển dụng công chức theo quy định của pháp luật;
- c) Tổng hợp, xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

3. Giám đốc Sở Nội vụ

- a) Quyết định tuyển dụng vào công chức đối với những người trúng tuyển kỳ thi tuyển công chức, đạt kết quả kiểm tra, sát hạch hoặc đã đủ điều kiện tiếp nhận vào công chức theo quy định;
- b) Thẩm định và có văn bản thống nhất để Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với công chức cấp xã.

4. Thủ trưởng sở

- a) Căn cứ Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và biên chế công chức được phân bổ, đăng ký số lượng công chức cần tuyển gửi Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;
- b) Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu có liên quan trình cấp có thẩm quyền quyết định tuyển dụng công chức;
- c) Phân công công chức hướng dẫn tập sự cho người được tuyển dụng vào công chức (đối với trường hợp phải thực hiện chế độ tập sự, trừ đối tượng quy định tại Điểm c Khoản 6 của Điều này).

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

- a) Thực hiện nhiệm vụ và thẩm quyền như của các sở quy định tại Khoản 4 của Điều này;
- b) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã gửi Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện;
- c) Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng công chức cấp xã;

- d) Quyết định tuyển dụng công chức xã đối với thí sinh trúng tuyển;
- đ) Tổ chức xét tuyển chức danh chỉ huy trưởng quân sự và trưởng công an xã theo quy chế tuyển dụng công chức cấp xã.

6. Chi cục trưởng

- a) Căn cứ biên chế công chức được phân bổ đăng ký số lượng công chức cần tuyển báo cáo sở để tổng hợp theo quy định;
- b) Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu có liên quan báo cáo sở trình cấp có thẩm quyền quyết định tuyển dụng công chức;
- c) Phân công công chức hướng dẫn tập sự cho người được tuyển dụng vào công chức (trừ các đối tượng quy định tại Điểm c Khoản 4 của Điều này).

Điều 7. Bổ nhiệm vào ngạch, nâng ngạch, chuyển ngạch, xếp lương, nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề

1. Ủy ban nhân dân Thành phố

Quyết định tổ chức thi nâng ngạch công chức theo quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

- a) Công nhận kết quả thi nâng ngạch công chức;
- b) Cho phép cán bộ, công chức tham gia dự thi nâng ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và tương đương theo quy định;
- c) Đề nghị Bộ Nội vụ bổ nhiệm vào ngạch, chuyển ngạch và xếp lương chuyên viên cao cấp và tương đương đối với cán bộ, công chức;
- d) Quyết định bổ nhiệm vào ngạch, chuyển ngạch và xếp lương chuyên viên chính và tương đương đối với cán bộ, công chức;
- đ) Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương đối với cán bộ, công chức theo quy định;
- e) Quyết định bổ nhiệm vào ngạch, chuyển ngạch và xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng phụ cấp thâm niên nghề (nếu có) đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, phê chuẩn (trừ chi cục trưởng);
- g) Đề nghị Bộ Nội vụ có ý kiến thống nhất về việc bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương đối với trường hợp chưa được xếp lương theo ngạch, bậc lương, cấp hàm theo thang bảng lương do Nhà nước quy định.

3. Sở Nội vụ

- a) Triển khai, thực hiện tổ chức thi nâng ngạch công chức theo quy định;
- b) Hướng dẫn, thẩm định hồ sơ các đối tượng được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

4. Giám đốc Sở Nội vụ

- a) Quyết định bổ nhiệm vào ngạch, xếp lương chuyên viên và tương đương trở xuống cho những đối tượng được tuyển dụng vào công chức (trường hợp đã hoàn thành chế độ tập sự hoặc được miễn thực hiện chế độ tập sự) và đối tượng

đạt kết quả thi nâng ngạch công chức; cán bộ, công chức cấp xã chuyển thành công chức cấp huyện trở lên;

b) Quyết định chuyển ngạch và xếp lương chuyên viên và tương đương trở xuống đối với cán bộ, công chức khi chuyển đổi vị trí công tác;

c) Thẩm định và có ý kiến bằng văn bản về việc xếp lương đối với cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên khi có sự thay đổi về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Thủ trưởng sở

a) Cho phép cán bộ, công chức tham gia dự thi hoặc xét nâng ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Cho phép cán bộ, công chức tham gia dự thi hoặc xét nâng ngạch từ ngạch cán sự, nhân viên lên ngạch chuyên viên và tương đương theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với Sở Nội vụ chuẩn bị hồ sơ, tài liệu có liên quan của các đối tượng được quy định tại Khoản 1; Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 2; Điểm a, b, c Khoản 4 của Điều này trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

d) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung và phụ cấp thâm niên nghề (nếu có) đối với chi cục trưởng, phó chi cục trưởng; trưởng phòng, phó trưởng phòng, cán bộ, công chức, lao động hợp đồng (trừ các đối tượng quy định tại Điểm d, đ Khoản 2 và Khoản 7 của Điều này).

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện thẩm quyền, nhiệm vụ và nội dung có liên quan như quy định tại Khoản 5 của Điều này;

b) Quyết định xếp lương cán bộ, công chức cấp xã (sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ);

c) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức cấp xã;

d) Quyết định xếp lương chức danh đối với cán bộ xã có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo sơ cấp hoặc chưa được đào tạo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

7. Chi cục trưởng

Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung và phụ cấp thâm niên nghề (nếu có) đối với công chức, lao động hợp đồng trong đơn vị (trừ đối tượng quy định tại Điểm d Khoản 5 của Điều này).

Điều 8. Tiếp nhận, điều động, chuyển chuyên, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức; cán bộ, công chức cấp xã; ký và chấm dứt hợp đồng lao động

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định

a) Tiếp nhận, điều động, chuyển chuyên, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, phê chuẩn;

b) Cho phép cán bộ, công chức đi nước ngoài theo chế độ phu nhân, phu quân ngoại giao, đi làm chuyên gia, công tác, học tập, đào tạo, nghiên cứu ở nước ngoài theo quy định;

c) Đề nghị Bộ Nội vụ có ý kiến thống nhất để tiếp nhận đối tượng không qua thi tuyển vào công chức theo quy định.

2. Giám đốc Sở Nội vụ

a) Thẩm định hồ sơ đối tượng quy định tại Khoản 1 của Điều này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định;

b) Quyết định tiếp nhận cán bộ, công chức hiện đang làm việc tại các cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố khác về làm việc tại cơ quan, đơn vị của Ủy ban nhân dân Thành phố (trừ những đối tượng được nêu tại Điểm a Khoản 1 của Điều này);

c) Quyết định tiếp nhận, điều động cán bộ, công chức đi nước ngoài theo chế độ phu nhân, phu quân ngoại giao, làm chuyên gia, công tác, học tập, đào tạo, nghiên cứu ở nước ngoài về nước tiếp tục công tác theo quy định;

d) Có ý kiến thống nhất bằng văn bản đối với việc tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển và tiếp nhận công chức cấp xã từ các tỉnh, thành phố khác đến làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã của thành phố Hà Nội.

3. Thủ trưởng sở

a) Hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định;

b) Quyết định điều động, chuyển chuyên, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức là trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương, chi cục trưởng, phó chi cục trưởng;

c) Quyết định tiếp nhận công chức của thành phố Hà Nội về làm việc trong cơ quan, đơn vị của sở (trừ các đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 1 và Điểm b, c Khoản 2 của Điều này);

d) Quyết định điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, biệt phái cán bộ, công chức trong nội bộ cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định của pháp luật;

đ) Quyết định chuyển chuyên cán bộ, công chức đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị không thuộc thẩm quyền quản lý của sở (trừ các đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 1 của Điều này);

e) Ký, chấm dứt hợp đồng lao động với lao động hợp đồng.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện nhiệm vụ và thẩm quyền như quy định tại Khoản 3 của Điều này;

b) Quyết định tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển và tiếp nhận công chức cấp xã từ tỉnh ngoài đến làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định;

c) Quyết định điều động công chức cấp xã trong các xã thuộc huyện;

d) Quyết định tiếp nhận công chức xã trong các xã của Thành phố về làm việc trong các xã thuộc huyện theo quy định;

đ) Quyết định chuyển công chức cấp xã đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị không thuộc thẩm quyền quản lý của huyện.

Điều 9. Phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, đình chỉ công tác, cách chức đối với cán bộ, công chức

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ công tác, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong trường hợp khuyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giữa hai nhiệm kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp huyện;

b) Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đình chỉ, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức đối với thủ trưởng, phó thủ trưởng sở (trừ các chức danh thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân Thành phố).

2. Giám đốc Sở Nội vụ

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị nhân sự, hoàn chỉnh hồ sơ, thực hiện quy trình về công tác cán bộ đối với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 của Điều này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;

b) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp quy hoạch cán bộ, công chức quản lý, lãnh đạo thuộc sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức đối với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quyết định của thủ trưởng sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thủ trưởng sở

a) Hàng năm trên cơ sở thống nhất với cấp ủy cơ quan, đơn vị cùng cấp, xây dựng và phê duyệt quy hoạch cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (qua Sở Nội vụ để tổng hợp);

b) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức đối với trưởng phòng, phó trưởng phòng, chi cục trưởng, phó chi cục trưởng (trừ một số chức vụ được quy định riêng tại các văn bản quy phạm pháp luật khác). Riêng chức vụ Chánh thanh tra sở phải có ý kiến bằng văn bản của Chánh thanh tra Thành phố trước khi quyết định.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện thẩm quyền như thủ trưởng sở được quy định tại Điểm a, Khoản 3 của Điều này;

b) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức đối với trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Riêng chức vụ Chánh thanh tra huyện phải có ý kiến bằng văn bản của Chánh Thanh tra Thành phố trước khi quyết định;

c) Phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ công tác, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Chi cục trưởng

a) Hàng năm trên cơ sở thống nhất với cấp ủy cơ quan, đơn vị cùng cấp, xây dựng và phê duyệt quy hoạch công chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý, báo cáo lãnh đạo sở;

b) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức đối với trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương thuộc chi cục.

Điều 10. Chế độ thôi việc và nghỉ hưu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, phê chuẩn.

2. Thủ trưởng sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý do thủ trưởng sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm, phê chuẩn và cán bộ, công chức, lao động hợp đồng; cán bộ, công chức xã (trừ các đối tượng quy định tại Khoản 3 của Điều này);

3. Chi cục trưởng quyết định chế độ thôi việc, nghỉ hưu đối với công chức và lao động hợp đồng trong đơn vị.

Điều 11. Nghỉ việc riêng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cho phép cán bộ, công chức giữ chức vụ quản lý, lãnh đạo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, phê duyệt được nghỉ việc riêng ở trong nước hoặc ở nước ngoài theo quy định (trừ chức vụ chi cục trưởng).

2. Thủ trưởng sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định

a) Cho phép nghỉ việc riêng ở nước ngoài (thăm thân nhân, tham quan, du lịch hoặc các việc khác) đối với chi cục trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, cán bộ, công chức, lao động hợp đồng và cán bộ, công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý của mình;

b) Cho phép nghỉ việc riêng ở trong nước đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý do thủ trưởng sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm, phê duyệt đối với chi cục trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, cán bộ, công chức, lao động hợp đồng (trừ các đối tượng quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 của Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho phép công chức cấp xã nghỉ việc riêng ở trong nước.

4. Chi cục trưởng quyết định cho phép công chức của cơ quan, đơn vị nghỉ việc riêng ở trong nước theo quy định.

Điều 12. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức và lao động hợp đồng

1. Hồ sơ của cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, phê duyệt được quản lý theo quy định (trừ hồ sơ của chi cục trưởng).

2. Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý hồ sơ của chi cục trưởng, phó chi cục trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, cán bộ, công chức, lao động hợp đồng; cán bộ, công chức cấp xã.

3. Việc chỉnh sửa các dữ liệu thông tin trong hồ sơ cán bộ, công chức, lao động hợp đồng; cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật;

4. Hàng năm, các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cập nhật, bổ sung hồ sơ cán bộ, công chức, lao động hợp đồng; cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

Điều 13. Chế độ báo cáo, thống kê

1. Vào tháng 5 và tháng 10 hàng năm các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thống kê số lượng và chất lượng cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, đơn vị theo các biểu mẫu, báo cáo cấp có thẩm quyền để quản lý.

2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm

a) Xây dựng các biểu mẫu, hướng dẫn các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo thống kê số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, lao động hợp đồng, định kỳ, đột xuất báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền;

b) Kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo, thống kê của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 14. Đánh giá phân loại cán bộ, công chức

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đánh giá, phân loại đối với thủ trưởng sở (trừ chức danh lãnh đạo, quản lý Văn phòng Hội đồng nhân dân Thành phố).

2. Thủ trưởng sở đánh giá, phân loại đối với cấp phó thủ trưởng sở, chi cục trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc sở.

3. Chi cục trưởng đánh giá, phân loại đối với phó chi cục trưởng, công chức, lao động hợp đồng thuộc quyền quản lý của mình.

4. Trưởng phòng thuộc sở đánh giá, phân loại đối với phó trưởng phòng, công chức, lao động hợp đồng thuộc quyền quản lý của mình.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, phân loại đối với Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Trưởng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, phân loại đối với phó trưởng phòng, công chức, lao động hợp đồng thuộc quyền quản lý của mình.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá, phân loại đối với Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cán bộ, công chức xã, lao động hợp đồng thuộc quyền quản lý của mình.

Điều 15. Khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định khen thưởng

a) Tặng Cờ thi đua của Thành phố; danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng" đối với các tổ chức, cơ quan, đơn vị;

b) Tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Thành phố", "Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố" đối với cán bộ, công chức và lao động hợp đồng.

2. Thủ trưởng sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khen thưởng

Tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến" và Giấy khen cho cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức và lao động hợp đồng thuộc quyền quản lý của mình.

Điều 16. Kỷ luật

1. Việc kỷ luật công chức thực hiện theo Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức và các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Việc kỷ luật công chức cấp xã, phường, thị trấn thực hiện Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức cấp xã.

3. Việc kỷ luật đối với lao động hợp đồng được thực hiện theo quy định của Bộ Luật Lao động và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 17. Thẩm quyền xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm;

2. Thủ trưởng sở tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với phó chi cục trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, công chức và lao động hợp đồng thuộc thẩm quyền quản lý (trừ đối tượng được quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 của Điều này);

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật

a) Trưởng phòng, phó trưởng phòng, công chức và lao động hợp đồng thuộc thẩm quyền quản lý (trừ đối tượng được quy định tại Khoản 1 của Điều này);

b) Công chức xã, chỉ huy trưởng quân sự xã và trưởng công an xã.

4. Chi cục trưởng tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với công chức và lao động hợp đồng trong đơn vị (trừ các đối tượng được quy định tại Khoản 2 của Điều này).

Điều 18. Thành phần Hội đồng kỷ luật

1. Đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có hành vi vi phạm pháp luật, Hội đồng kỷ luật có 05 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (đối với thủ trưởng sở, phó thủ trưởng sở); thủ trưởng sở hoặc phó thủ

trưởng sở (đối với chi cục trưởng, phó chi cục trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc sở); Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện);

b) Một Ủy viên Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan sử dụng công chức;

c) Một Ủy viên Hội đồng là đại diện cấp ủy Đảng cùng cấp;

d) Một Ủy viên Hội đồng là đại diện Ban Chấp hành công đoàn sở (đối với thủ trưởng sở, phó thủ trưởng sở; chi cục trưởng, phó chi cục trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc sở); Ban chấp hành công đoàn cơ quan huyện (đối với trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện);

đ) Một Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ (đối với thủ trưởng sở, phó thủ trưởng sở); chánh văn phòng hoặc phó chánh văn phòng; trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng tổ chức cán bộ (đối với chi cục trưởng, phó chi cục trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc sở); trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng nội vụ (đối với trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện).

1. Đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có hành vi vi phạm pháp luật, Hội đồng kỷ luật có 05 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là thủ trưởng sở hoặc cấp phó của thủ trưởng sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; chi cục trưởng hoặc phó chi cục trưởng

b) Một Ủy viên Hội đồng là đại diện Ban Chấp hành công đoàn sở; công đoàn cơ quan huyện; công đoàn chi cục;

c) Một Ủy viên Hội đồng là đại diện của đơn vị công tác có công chức bị xem xét xử lý kỷ luật, ủy viên Hội đồng này do người đứng đầu của đơn vị công tác đó lựa chọn và cử ra;

d) Một Ủy viên Hội đồng là người trực tiếp quản lý hành chính và chuyên môn, nghiệp vụ của công chức bị xem xét xử lý kỷ luật;

đ) Một Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là người phụ trách bộ phận tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị có công chức bị xem xét xử lý kỷ luật.

3. Không được cử người có quan hệ gia đình như cha, mẹ, con được pháp luật thừa nhận; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; chị, em dâu; anh, em rể hoặc người có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của công chức bị xem xét xử lý kỷ luật tham gia thành viên Hội đồng kỷ luật.

4. Hội đồng kỷ luật đối với công chức xã, chỉ huy trưởng quân sự xã và trưởng công an xã thực hiện theo quy định tại Điều 42, Điều 43 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan

a) Căn cứ các quy định của pháp luật và Quy định này, xây dựng văn bản quản lý cơ quan, đơn vị; quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc;

b) Phổ biến, công bố, công khai cho cán bộ, công chức, lao động hợp đồng và cán bộ, công chức cấp xã trong cơ quan, đơn vị được biết và nghiêm chỉnh thực hiện;

c) Kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở cán bộ, công chức, lao động hợp đồng và cán bộ, công chức cấp xã thực hiện các quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Giám đốc Sở Nội vụ, hướng dẫn, tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 20. Bổ sung, điều chỉnh

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, cần bổ sung, chỉnh sửa các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung./.

